

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Dự án Nâng công suất Trạm biến áp 500kV Long Phú được thực hiện tại TBA 500kV Long Phú hiện hữu, trong phạm vi ranh giới đất của trạm thuộc địa phận xã Đại Ngãi, TP. Cần Thơ.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: _____ [Ghi các tài liệu khác, nếu có]
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: - Bên B cam kết không tiết lộ, làm lộ bất kỳ thông tin, tài liệu bí mật Nhà nước và nội bộ của EVN/ EVNNPT và NPTPMB nào được Bên A cung cấp để thực hiện hợp đồng, liên quan đến Hợp đồng (kể cả khi Hợp đồng chấm dứt) hay các hoạt động liên quan đến công việc của chủ đầu tư cho bất kỳ tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm được biết khi chưa được chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản; - Khi Hợp đồng chấm dứt Bên B cam kết bàn giao lại cho Bên A toàn bộ tài liệu chứa đựng hoặc có nguồn gốc từ thông tin mật hay độc quyền của Bên A mà Bên B nắm giữ do Bên A cung cấp để thực hiện hợp đồng (nếu có); - Trường hợp Bên B vi phạm hoặc thiếu sót trong việc tuân thủ cam kết bảo mật thông tin, tiết lộ thông tin, Bên B phải chịu mọi trách nhiệm pháp lý và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên A theo quy định của Pháp luật.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói và đơn giá cố định.
E-ĐKC 8	- Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. - Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.
E-ĐKC 10	10.1. Tạm ứng

	Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A tư sẽ tạm ứng cho bên B số tiền bằng 20% giá trị hợp đồng với điều kiện như sau: - Có Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu - Có bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với mức tương đương giá trị được tạm ứng của nhà thầu. - Có bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng (Theo điều 41 Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023). Trường hợp nhà thầu không tạm ứng, bảo hiểm sẽ được nộp vào thời điểm thanh/quyết toán khối lượng hoàn thành. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. Thời gian bảo lãnh tạm ứng theo tiến độ thực hiện hợp đồng tính từ khi phát hành cho đến 30 ngày sau ngày dự kiến thu hồi hết giá trị tạm ứng. Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 23 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 30 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa
--	---

vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.

Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng với tỷ lệ tạm ứng trên nguyên tắc Chủ đầu tư bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

10.2. Thanh toán

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ, Bên B chịu phí chuyển tiền.

- Đồng tiền thanh toán: VND.

- Số lần thanh toán: Tối đa 05 lần.

- Thời hạn thanh toán: Thời hạn và giá trị thanh toán của hợp đồng căn cứ trên khối lượng công việc nghiệm thu và thực hiện như sau:

Công tác khảo sát phục vụ lập BCNCKT

+ Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Báo cáo khảo sát đã được Bên A nghiệm thu và Bên B lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 95% giá trị được nghiệm thu (*tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị chờ quyết toán*).

Công tác lập BCNCKT

+ Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi có quyết định phê duyệt BCNCKT công trình, hai bên lập biên bản nghiệm thu sản phẩm và lên khối lượng giá trị thực hiện, Bên A thanh toán cho Bên B tới 90% giá trị được nghiệm thu (*tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị phần chất lượng sản phẩm và 5% giá trị chờ quyết toán*). Trong trường hợp Bên B có văn bản đề nghị thanh toán sau khi giao nộp hồ sơ BCNCKT, Bên A có thể xem xét thanh toán đến 40% tổng giá trị hạng mục “Chi phí lập BCNCKT” sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ BCNCKT do Bên B lập, được Bên A thông qua và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. **(Hồ sơ BCNCKT phải có đầy đủ Văn bản thỏa thuận/phê duyệt về môi trường và phòng cháy chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)).**

+ Phần chất lượng sản phẩm (đối với công tác lập BCNCKT): Khi giai đoạn thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở không có thay đổi lớn về giải pháp kỹ thuật do lỗi của Bên B thực hiện trong giai đoạn

	BCNCKT, Bên A sẽ nghiệm thu và thanh toán phần chất lượng sản phẩm cho Bên B, nhưng tổng giá trị thanh toán sẽ không vượt quá 95% giá trị hợp đồng. Các công tác thỏa thuận: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày các công tác thỏa thuận, báo cáo chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A thanh toán cho bên B 95% giá trị hợp đồng hạng mục <i>(tạm thời chưa thanh toán cho Bên B 5% giá trị chờ quyết toán)</i>. * Hồ sơ thanh toán giai đoạn: + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công việc thực hiện; + Bảng xác định giá trị thanh toán; + Bản thanh toán đợt...; + Giấy đề nghị thanh toán; + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng. * Hồ sơ quyết toán: + Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công việc thực hiện; + Bảng chi tiết giá trị quyết toán hợp đồng; + Bản tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng; + Biên bản tổng kết hợp đồng; + Giấy đề nghị thanh toán; + Hóa đơn thuế giá trị gia tăng. Hồ sơ thanh quyết toán khối lượng hoàn thành thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Quyết định 01/QĐ-EVN ngày 03/01/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. * Giá trị còn lại (5%): Bên A sẽ thanh toán cho bên B sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án. Hồ sơ thanh toán gồm: + Đối chiếu công nợ A-B; + Giấy đề nghị thanh toán.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 480 ngày.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư/đại diện Chủ đầu tư.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-

	<i>HSĐT/</i> .
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không yêu cầu.
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng. a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% giá trị công việc chậm hoàn thành cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá: 220.240.591 VND. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. + Tiến độ của hợp đồng được xác định từ khi hợp đồng có hiệu lực hoặc tiến độ theo thông báo cuộc họp thẩm tra dự án. + Do chất lượng: Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong hợp đồng này thì bị Bên A phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Nếu tổng số lần phải hiệu chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý dự án, chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, người có thẩm quyền vượt quá 2 lần thì cũng xem là không đảm bảo chất lượng và bị khấu trừ 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần hiệu chỉnh. b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. + Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; + Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt như nêu

	trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; - Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ của Tư vấn khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Tư vấn vẫn không có biện pháp sửa chữa các sai sót đó; - Nếu Tư vấn rơi vào tình trạng giải thể. - Nếu sự kiện bất khả kháng, sau 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện này mà Tư vấn không thể thực hiện được dịch vụ. - Trong trường hợp Chủ đầu tư có bằng chứng về bán thầu, thì hợp đồng sẽ được chấm dứt và mọi hậu quả do việc bán thầu gây nên, nhà thầu Tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nếu nhà thầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: - Quá 56 ngày kể từ ngày Nhà thầu đệ trình đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ theo quy định của hợp đồng và Nhà thầu đã có văn bản nhắc đề nghị thanh toán, nhưng Chủ đầu tư chưa thanh toán. - Nếu Chủ đầu tư đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái luật thì phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định.
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: - Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, các bên cùng bàn bạc giải quyết và phải được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng. Các văn bản, phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này; - Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động hợp tác giải quyết; - Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên có thể giải quyết thông qua việc thương lượng trực tiếp với nhau; - Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng hoặc một bên đã đề nghị thương lượng nhưng bên còn lại không phản hồi thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua tòa án của cấp có thẩm quyền. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt; - Quyết định của tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện

	sẽ phải chịu chi phí tòa án.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án truyền tải điện – Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Địa chỉ liên hệ: Tầng 4 Tòa nhà Sao Mai Plaza, Lô 03, 04-3A KCN Hoàng Mai, 435A đường Tam Trinh, P. Hoàng Mai, TP. Hà Nội. - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____